



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

Máy

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	01		2,0	1	Anh	128
2	000002	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	01		9,0	05	Anh	101
3	000003	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	01		4,0	06	Anh	102
4	000004	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	01		4,0	7	Anh	103
5	000005	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	01		5,0	08	Lan	104
6	000006	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	01		4,0	13	Bình	HP 107
7	000007	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	01		8,0	16	Chiến	106
8	000008	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	01		8,5	11	Chinh	109
9	000009	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	01		4,0	12	Đức	108
10	000010	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	01		6,5	24	Dương	114
11	000011	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	01		5,0	15	Duyên	105
12	000012	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	01		7,0	22	Hà	113
13	000013	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	01		10	19	Hà	111
14	000014	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	01		8,0	30	Hà	116
15	000015	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	01		8,0	31	Thanh	115
16	000016	1101020095	Phan Thị	Hiền	05/10/2005	KD11A	01		8,0	10	Hiền	110
17	000017	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	01		2,0	28	Hiền	117
18	000018	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	01		5,0	29	Hoa	117
19	000019	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	01		10	16	Hùng	127
20	000020	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	01		2,0	06	Hương	129
21	000021	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	01		3,0	33	Hương	120
22	000022	1101020115	Phùng Thị	Hưởng	07/05/2005	KD11A	01		7,0	25	Hưởng	119
23	000023	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	01		9,0	34	Thanh	121
24	000024	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	01		10	24	Khải	125
25	000025	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	01		6,0	37	Liên	124
26	000026	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	01		5,0	04	Phương	126
27	000027	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	01		2,0	35	Khánh	122
28	000028	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	01		5,0	36	Ngọc	123
29	000029	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	01		6,5	20	Thùy	112
30	000030	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	01		10	05	Loan	130

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 2

Ngày 07 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị P. Hoa Nguyễn T. Ngọc Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000031	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	01		108		Mai	108
2	000032	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	01		109		Ngân	109
3	000033	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	01		5,5		Ngọc	110
4	000034	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	01		5,0		Ngọc	101
5	000035	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	01		6,0		Oai	103
6	000036	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	01		4,5		Quân	105
7	000037	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	01		4,5		Quỳnh	116
8	000038	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	01		2,0		Tâm	102
9	000039	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	01		5,5		Thảo	113
10	000040	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	01		5,5		Thư	100
11	000041	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	01		4,5		Thư	107
12	000042	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	01		100		Thúy	111
13	000043	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	01		5,0		Trang	129
14	000044	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	01					Vàng
15	000045	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	01		6,0		Trang	104
16	000046	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	01		2,0		Trang	121
17	000047	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	01		4,5		Trang	128
18	000048	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	01		2,0		Tuân	120
19	000049	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	01		5,0		Tuyền	117
20	000050	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	01		7,5		Vân	115
21	000051	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	01		7,0		Yến	114
22	000052	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	01		2,0		Giang	119
23	000053	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Son	26/07/2002	KD8D	01		9,0		Son	106
24	000054	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	02		4,5		Anh	130
25	000055	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	02		3,0		Anh	124
26	000056	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	02		2,0		Anh	123
27	000057	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	02		4,0		Anh	112
28	000058	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	02		2,0		Anh	125
29	000059	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	02		7,0		Anh	119
30	000060	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	02		2,0		Ánh	118

Tổng số sinh viên dự thi: 29....

Tổng số tờ giấy thi: 29....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày .. tháng .. Năm ..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Cao Thị Hằng *Phạm Thị Hải*



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

Solmay

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000061	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	02		7,0	05	Bích	116
2	000062	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	02		5,0	06	Diễm	118
3	000063	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	02		8,0	06	Đức	100
4	000064	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	02		3,0	10	Dương	104
5	000065	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	02		5,0	11	Giang	103
6	000066	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	02		4,0	12	Giang	102
7	000067	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	02		5,0	3221	Giang	120
8	000068	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	02		8,0	3221	Hà	101
9	000069	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	02		7,0	24	Hoa	108
10	000070	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	02		7,0	18	Hùng	109
11	000071	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	02		3,0	19	Hương	108
12	000072	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	02		2,5	20	Thanh	107
13	000073	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	02		8,5	21	Huyền	106
14	000074	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	02		4,0	22	Lan	105
15	000075	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	02		5,0	23	Liên	117
16	000076	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	02		7,5	25	Linh	113
17	000077	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	02		6,0	26	Linh	112
18	000078	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	02		3,0	11	Linh	121
19	000079	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	02		9,0	28	Loan	111
20	000080	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	02		8,0	10	Ly	122
21	000081	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	02		5,5	22	Mai	123
22	000082	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	02		3,0	20	Mai	124
23	000083	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	02		2,0	18	Mai	125
24	000084	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	02		7,0	28	Nam	126
25	000085	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	02		2,0	39	Ngát	127
26	000086	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	02		1,0	39	Ngọc	115
27	000087	1001021556	Chu Yên	Nhi	04/08/2004	KD11B	02		1,5	40	Nhi	114
28	000088	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	02		2,0	05	Nhung	128
29	000089	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	02		9,0	40	Nhung	129
30	000090	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	02		5,0	18	Phúc	130

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 30

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Văn Toàn

Đoàn Thị Linh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: *Kế toán máy trong doanh nghiệp*

Số lượng *Mã ĐP*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000091	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	01		8.0	01	My <i>131</i>	131
2	000092	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	02		2.5	01	Phạm <i>151</i>	151
3	000093	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	02		8.5	29	Phạm <i>150</i>	150
4	000094	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	02		7.0	04	Phạm <i>132</i>	132
5	000095	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	02		4.0	05	Quỳnh	133
6	000096	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	02					HP,ĐK
7	000097	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	02		3.0	07	Thảo	134
8	000098	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	02		3.0	08	Thảo	155
9	000099	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	02		2.5	10	Thu	142
10	000100	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	02					ĐK
11	000101	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	02		1.0	12	Thùy	140
12	000102	1101020290	Lê Thị Thuý	Tình	23/10/2005	KD11B	02		4.0	13	Tình	139
13	000103	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	02		1.0	11	Trang	141
14	000104	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	02		6.0	14	Trang	138
15	000105	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	02		4.0	33	Trang	152
16	000106	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	02		6.5	20	Tuấn	144
17	000107	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	02		6.5	36	Vi	154
18	000108	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	02		3.0	18	Vinh	143
19	000109	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	02		3.5	34	Yến	153
20	000110	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD11C	02					HP,ĐK
21	000111	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	03		2.0	28	An	145
22	000112	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	03		4.0	22	Anh	146
23	000113	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	03		7.0	38	Anh	156
24	000114	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	03		5.0	24	Q Anh	147
25	000115	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	03		2.0	31	H. Anh	148
26	000116	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	03		3.0	30	Hà	149
27	000117	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	03		5.0	35	Anh	157
28	000118	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	03		7.0	15	Anh	137
29	000119	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	03		8.0	16	Ánh	136
30	000120	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	03		9.0	37	Ánh	155

Tổng số sinh viên dự thi: *27*.....

Tổng số tờ giấy thi: *27*.....

Tổng số biên bản: *2*.....

Ngày *7*... tháng *4*... Năm *2026*

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Văn Toàn

Đặng Hoài Nam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

May *Mã đề*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000121	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	03		4,5	02	Anh	131
2	000122	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	03		7,0	03	Chi	132
3	000123	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	03		Mười	04	Đào	133
4	000124	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	03		6,0	09	Dung	141
5	000125	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	03		4,5	10	Dương	140
6	000126	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	03		1,5	13	Giang	139
7	000127	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	03		8,5	15	Hà	138
8	000128	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	03		7,0	16	Hải	137
9	000129	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	03		5,5	18	Hạnh	142
10	000130	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	03		6,0	19	Hòa	143
11	000131	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	03		9,0	20	Hoài	144
12	000132	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	03		2,0	21	Hương	145
13	000133	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	03		9,0	22	Huyền	146
14	000134	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	03		2,0	02	Linh	153
15	000135	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	03		5,5	16	Linh	106
16	000136	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	03		5,0	26	Linh	155
17	000137	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	03		4,0	27	Linh	154
18	000138	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	03		6,0	21	Linh	157
19	000139	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	03		2,0	22	Luyến	156
20	000140	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	03		2,0	32	Ngân	147
21	000141	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	03		8,0	13	Ngọc	151
22	000142	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	03		8,0	32	Ngọc	150
23	000143	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	03		3,0	39	Nhi	149
24	000144	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	03		9,0	40	Nhi	148
25	000145	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	03		4,5	03	Nhung	152
26	000146	1101021022	Chu Lan	Phuong	05/07/2005	KD11C	03		6,0	04	Phuong	135
27	000147	1101021024	Trịnh Thu	Phuong	08/11/2005	KD11C	03		6,5	08	Phuong	136
28	000148	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	03		2,0	06	Quỳnh	134 (2,0)
29	000149	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	03		6,0	07	Thanh	158
30	000150	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	03		8,0	08	Thảo	159

Tổng số sinh viên dự thi: *30*

Tổng số tờ giấy thi: *30*

Tổng số biên bản: *0*

Ngày *7* tháng *11* Năm *2026*

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trịnh TT. Hoa

Nguyễn Thị Ngọc Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000151	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	03		1,5		Phu	132
2	000152	1101020279	Lều Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	03		2,0	134	Thức	131
3	000153	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	03		8,0		Thuy	133
4	000154	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	03		5,0		Trang	134
5	000155	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	03		7,0	135	Trang	135
6	000156	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	03		Mười		Trang	137
7	000157	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	03		2,0	138	Tung	138
8	000158	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	03		5,0		Việt	139
9	000159	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	03		9,0		Vy	136
10	000160	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	03					HP.ĐK
11	000161	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	04		2,5		Anh	144
12	000162	1101020012	Đồng Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	04		9,0		Anh	145
13	000163	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	04		6,0		Anh	142
14	000164	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	04		Mười		Anh	141
15	000165	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	04		3,0		Anh	143
16	000166	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	04		2,0		Anh	139
17	000167	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	04		4,0		Bach	140
18	000168	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	04		3,0		Đạt	146
19	000169	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	04		7,5		Anh	147
20	000170	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	04					HP.ĐK
21	000171	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	04		Mười		Giang	148
22	000172	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	04		6,5		Hà	149
23	000173	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	04		Mười		Hà	150
24	000174	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	04		2,0		Hải	153
25	000175	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	04		6,0		Hằng	152
26	000176	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	04		6,0		Hanh	154
27	000177	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	04		4,0		Hiền	157
28	000178	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	04		Mười		Hiếu	155
29	000179	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	04		Mười		Hiếu	156
30	000180	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	04		2,5		Hoa	151

Tổng số sinh viên dự thi: *28*

Tổng số tờ giấy thi: *28*

Tổng số biên bản: *0*

Ngày *07* tháng *04* Năm *2026*

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Suốt
Trần Thị Linh Cao Thị Hằng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000181	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	04		3,5	161	Hồng	1
2	000182	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	04		10	183	Hường	1
3	000183	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	04		5,0	162	Huyền	4
4	000184	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	04		8,0	163	Huyền	5
5	000185	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	04		7,0	164	Huyền	6
6	000186	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	04		4,5	165	Lan	7
7	000187	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	04		10	166	Linh	8
8	000188	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	04		8,5	167	Linh	16
9	000189	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	04		5,0	168	Linh	15
10	000190	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	04		2,0	169	Linh	14
11	000191	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	04		8,0	170	Ly	13
12	000192	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	04		7,0	171	Mai	12
13	000193	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	04		6,0	172	Minh	11
14	000194	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	04		5,5	173	Minh	10
15	000195	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	04		7,0	174	Mỹ	19
16	000196	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	04		3,0	175	Nga	20
17	000197	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	04		5,5	182	Ngọc	5
18	000198	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	04		9,0	176	Nguyên	22
19	000199	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	04		9,0	177	Nhi	21
20	000200	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	04		5,5	178	Ý	31
21	000201	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	04		5,0	179	Nhung	30
22	000202	1101020235	Lê Thị Thu	Phương	14/03/2005	KD11D	04		2,5	180	Phường	29
23	000203	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	04		8,0	181	Quỳnh	28
24	000204	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	04		4,5	190	Quỳnh	04
25	000205	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	04		10	184	Thanh	33
26	000206	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	04		10	185	Thảo	34
27	000207	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	04		5,5	186	Thảo	35
28	000208	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	04		3,0	189	Thư	38
29	000209	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	04		6,0	187	Thương	36
30	000210	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	04		3,5	188	Thủy	37

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 0

Ngày 07 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Mai Phương

Nguyễn Phương Hằng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

Nó đẽ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000211	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	04		8,5	46	Trang	
2	000212	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	04					HP,ĐK
3	000213	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	04		2,0	177	Triển	
4	000214	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	04		4,0	178	Uyên	
5	000215	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	04		5,0	163	Vinh	
6	000216	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	04		2,0	162	Yến	
7	000217	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	04		2,5	161	Yến	
8	000218	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	05		6,0	180	Anh	
9	000219	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	05		4,5	179	Anh	
10	000220	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	05		3,5	167	Anh	
11	000221	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	05		1,0	166	Anh	
12	000222	1101020025	Nguyễn Văn	Anh	01/12/2005	KD11E	05		4,5	165	Anh	
13	000223	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	05		8,0	164	Anh	
14	000224	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	05		9,0	181	Anh	
15	000225	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	05		9,0	182	Anh	
16	000226	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	05		9,0	183	Bình	
17	000227	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	05		6,0	168	Chúc	
18	000228	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	05					HP,ĐK
19	000229	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	05		9,0	169	Diễn	
20	000230	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	05		8,5	170	Diệp	
21	000231	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	05					Vắng
22	000232	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	05		4,5	171	Duy	
23	000233	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	05		6,0	173	Giang	
24	000234	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	05		8,0	172	Hà	
25	000235	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	05		7,5	175	Hằng	
26	000236	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	05		8,0	174	Hào	
27	000237	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	05		8,0	185	Hoàn	
28	000238	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	05		6,5	187	Hương	
29	000239	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	05		1,0	184	Hường	
30	000240	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	05		9,0	186	Huyền	

Tổng số sinh viên dự thi: 27....

Tổng số tờ giấy thi: 27....

Tổng số biên bản: 02.....

Ngày: 07 tháng 04 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Phương Hoa

Vũ T.T. Dũng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000241	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	05		4,5	161	Khánh	
2	000242	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	05		4,0	163	202	
3	000243	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	05		6,0	173	Lan	
4	000244	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	05		9,0	162	Lệ	
5	000245	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	05		3,0	172	Linh	
6	000246	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	05		6,0	168	Linh	
7	000247	1101020989	Vũ Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	05					Vắng
8	000248	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	05		Mất	167	Loan	
9	000249	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	05		6,5	166	Ly	
10	000250	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	05		4,5	165	Ly	
11	000251	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	05	(Mất)	1,0	164	Mai	
12	000252	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	05		7,5	170	Mơ	
13	000253	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	05		7,0	169	Nga	
14	000254	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	05		3,5	171	Nga	
15	000255	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	05		9,5	174	Ngọc	
16	000256	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	05		2,0	176	Ngọc	
17	000257	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	05		9,5	175	Nguyên	
18	000258	1101020218	Nguyễn Thị Yên	Nhi	26/10/2005	KD11E	05		6,5	180	Nhi	
19	000259	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	05		10	184	Nhung	
20	000260	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	05		2,0	178	Quỳnh	
21	000261	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	05		5,5	178	Quỳnh	
22	000262	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	05		4,0	182	Thanh	
23	000263	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	05		6,0	182	Thảo	
24	000264	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	05		4,5	179	Thảo	
25	000265	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	05		10	189	Thư	
26	000266	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	05		3,0	188	Thương	
27	000267	1101021046	Nguyễn Thùy	Tiên	11/11/2005	KD11E	05		7,5	187	Tiên	
28	000268	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	05		3,0	186	Trang	
29	000269	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	05		4,0	190	Trang	
30	000270	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	05		6,5	185	Tú	

Tổng số sinh viên dự thi:....29....

Tổng số tờ giấy thi:....29....

Tổng số biên bản:.....2.....

Ngày 07... tháng 01... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc
Tô Xuân Hải



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000271	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	05		6,0	213	Phạm	33
2	000272	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	05		4,0	214	Vân	34
3	000273	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	05		3,5	215	Vương	35
4	000274	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	05		3,0	216	Vy	36
5	000275	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	06		5,0	204	Mai	20
6	000276	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	06		7,0	203	Uyên	19
7	000277	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	06		2,0	219	Anh	16
8	000278	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	06		10	191	Anh	01
9	000279	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	06					HP,ĐK
10	000280	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	06		4,0	209	Anh	29
11	000281	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	06		1,5	208	Phùng	30
12	000282	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	06		5,0	205		22
13	000283	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	06		8,0	202	Bình	10
14	000284	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	06		1,5	210	Châm	28
15	000285	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	06		2,0	206	Đạt	24
16	000286	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	06		6,0	199	Doan	13
17	000287	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	06		8,0	198	Đông	14
18	000288	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	06		3,0	197	Dương	15
19	000289	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	06		3,5	200	Duyên	12
20	000290	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	06		2,0	212	Giang	25
21	000291	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	06		2,0	217	Hà	37
22	000292	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	06		6,5	201	Hà	11
23	000293	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	06		2,0	207	Hằng	31
24	000294	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	06		2,0	218	Hiền	38
25	000295	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	06		3,5	196	Hiếu	08
26	000296	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	06		8,0	195	Hồng	07
27	000297	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	06					HP,ĐK
28	000298	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	06		2,0	194	Huyền	HP 06
29	000299	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	06		3,0	193	Khánh	05
30	000300	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	06		9,0	192	Kiên	04

Tổng số sinh viên dự thi: *28*.....

Tổng số tờ giấy thi: *28*.....

Tổng số biên bản: *0*.....

Ngày tháng *1* Năm *2026* *2*

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Vũ Mai Phương *Phạm Thị Minh Phương*



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000301	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	06		5,0	219	Lan	
2	000302	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	06		5,5	196	Lệ	
3	000303	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	06		6,5	194	Linh	
4	000304	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	06		3,0	195	Linh	
5	000305	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	06		5,0	193	Linh	
6	000306	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	06		1,5	197	Loan	
7	000307	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	06		6,5	192	Loan	
8	000308	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	06		7,0	191	Nga	
9	000309	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	06		7,0	198	Ngọc	
10	000310	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	06		3,5	199	Ngọc	
11	000311	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	06		4,0	200	Nguyệt	
12	000312	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	06		Mười	201	Nhi	
13	000313	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	06		7,0	202	Như	
14	000314	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	06		Một	203	Nhung	
15	000315	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	06		8,0	204	Oanh	
16	000316	1101020236	Lý Thu	Phương	28/07/2005	KD11G	06		5,5	208	JP	
17	000317	1101021025	Vương Thị	Phương	30/06/2005	KD11G	06		7,0	205	Phuoc	
18	000318	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	06		6,0	206	Quỳnh	
19	000319	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	06		Một	207	Thanh	
20	000320	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	06		Một	192	Thành	
21	000321	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	06		1,5	211	Thao	
22	000322	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	06		6,5	210	Thư	
23	000323	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	06		8,5	209	Trang	
24	000324	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	06		4,0	212	trang	
25	000325	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	06		4,0	213	Trang	
26	000326	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	06		Mười	216	Trang	
27	000327	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	06		6,5	210	Tuân	
28	000328	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	06		Một	218	Tuấn	
29	000329	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	06		5,0	215	Vân	
30	000330	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	06		Một	214	Xuân	

Tổng số sinh viên dự thi: ...30...

Tổng số tờ giấy thi: ...30.

Tổng số biên bản:0.....

Ngày 7... tháng 4... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Nga Lê Thị Kỳ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

Máy

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000331	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	06		4,0	19	Yên	198
2	000332	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	06					ĐK
3	000333	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	07		4,0	32	Anh	193
4	000334	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	07		4,5	04	Anh	192
5	000335	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	07		4,5	05	Châu	191
6	000336	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	07		7,0	10	Chi	196
7	000337	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	07		2,0	11	Đại	210
8	000338	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	07		4,5	12	Đào	195
9	000339	1101061075	Phùng Xuân Tân	Dũng	15/02/2005	KA11A	07		6,5	04	M	220
10	000340	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	07		2,5	25	Duy	208
11	000341	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	07		7,0	16	Hiền	203
12	000342	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	07	(5,0)	5,0	18	Hoàng	202
13	000343	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	07		5,5	19	Hương	201
14	000344	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	07		9,0	21	Lan	200
15	000345	1101060351	Quyền Hồng	Lụa	03/11/2005	KA11A	07		6,5	22	Lụa	199
16	000346	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	07		3,0	16	Mạnh	194
17	000347	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	07		1,5	24	Ngọc	198
18	000348	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	07		2,0	26	Ngọc	209
19	000349	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	07		5,5	40	Thảo	207
20	000350	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	07		4,5	30	Thảo	201
21	000351	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	07		5,0	10	Thùy	212
22	000352	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	07		3,0	35	Thùy	205
23	000353	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	07		6,5	05	Trang	211
24	000354	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	07		3,0	21	Trang	213
25	000355	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	07		2,0	11	Tú	214
26	000356	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	07		5,5	24	Tuấn	215
27	000357	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	07		6,0	25	Nam	216
28	000358	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	07					HP, ĐK
29	000359	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	07		7,0	22	Hà	199

Tổng số sinh viên dự thi: *29*

Tổng số tờ giấy thi: *29*

Tổng số biên bản: *6*

Ngày *...* tháng *...* Năm *2026*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ph
Trần T.T. Hòa

Ph
Đỗ Mạnh Tuấn